

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HCST
Ngày: 08-9-2020
V/v khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý trật
tự xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Sinh

Ông Dương Phong Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Lò Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 19/2020/TLST-HC ngày 04 tháng 03 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HC ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Công Q, sinh năm: 1971; địa chỉ: Tổ dân phố 4 (nay là tổ dân phố 2), phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; tạm trú: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người khởi kiện: Ông Đặng Văn C, Luật sư Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 65B phố T, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 9, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Đ - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn S - chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số: 329/UBND-VP ngày 11/3/2020) (vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Đ, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn S, chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số: 331/UBND-VP ngày 11/3/2020) (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Tiến H; địa chỉ: Số nhà 11, tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- Ông Lý Đức T; địa chỉ: Đội 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- Công ty cổ phần C; địa chỉ trụ sở: số nhà 819, tổ dân phố 3, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm ông Vũ Công Q trình bày:

Ngày 19/5/2016, ông Vũ Công Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lý Đức T đối với diện tích đất 180m² tại địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, với tứ cận: phía đông giáp đường nhựa (đường bờ sông N); phía Tây giáp mộ tây; phía Bắc giáp nhà ông N (doanh nghiệp H); phía Nam giáp nhà ông H. Loại đất nhận chuyển nhượng là đất cây công nghiệp và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà tạm cấp 4 do ông T dựng và một số vật dụng như tủ, bàn ghế... giá trị chuyển nhượng là 940.000.000 đồng, ông Q đã thanh toán đủ tiền cho ông T. Hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nhưng chưa công chứng, chứng thực hợp đồng theo quy định của pháp luật. Sau đó, gia đình ông Q trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước.

Nguồn gốc diện tích đất trên là của ông Vũ Tiến H nhận khoán trồng cà phê của Công ty C theo Hợp đồng khoán đất trồng cây lâu năm số: 78/HĐK-CTCCN ngày 01/01/2000, thời hạn giao khoán 50 năm. Sau đó ông Vũ Tiến H chuyển nhượng một phần cho ông Lý Đức T với diện tích 180m².

Ngày 24/01/2019, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ra Thông báo (Lần 1) số: 109/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước đối với ông Vũ Công Q, với nội dung: *Thông báo cho hộ gia đình ông Vũ Công Q tự tháo dỡ công trình nhà ở, công trình phụ đã xây dựng tại khu đất thuộc tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai thực hiện dự án khu đô thị mới N. Thời gian thực hiện tháo dỡ: Tối đa 15 ngày kể từ ngày gửi thông báo.*

Ngày 19/02/2019, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (Lần 2) số: 192/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất

thuê của nhà nước đối với ông Vũ Công Q, với nội dung: *Yêu cầu hộ gia đình ông Vũ Công Q phải thực hiện việc tự tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm (không có giấy phép xây dựng) đã xây dựng tại khu đất thuộc tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai thực hiện dự án khu đô thị mới N. Thời gian thực hiện tháo dỡ: Tối đa 10 ngày kể từ ngày gửi thông báo.*

Ngày 12/3/2019, UBND thành phố Đ tiếp tục ra Thông báo (Lần 3) số: 335/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước đối với hộ gia đình ông Vũ Công Q, với nội dung: *Yêu cầu hộ gia đình ông Vũ Công Q phải thực hiện việc tự tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm (không có giấy phép xây dựng) đã xây dựng tại khu đất thuộc tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai thực hiện dự án khu đô thị mới N. Thời gian thực hiện tháo dỡ: Tối đa 05 ngày kể từ ngày gửi thông báo.*

Không đồng ý với việc yêu cầu thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm, ngày 18/3/2019 ông Vũ Công Q đã làm đơn khiếu nại Thông báo (lần 3) số: 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố Đ.

Ngày 28/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số: 1054/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Công Q, tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ (lần đầu), với nội dung: *Giữ nguyên Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố Đ về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước.*

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019, ông Q đã làm đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND tỉnh Đ đề nghị giải quyết theo pháp luật nhưng đến ngày 17/02/2020 vẫn không nhận được kết quả giải quyết khiếu nại.

Vì vậy, ông Vũ Công Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên: Hủy Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố Đ (sau đây gọi tắt là Thông báo số 333) về việc thực hiện tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước và hủy Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1053) với lý do: Việc xác định ông Q là người tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm là không chính xác, bởi lẽ khi ông Q nhận chuyển nhượng thì đã có công trình xây dựng trên đất. UBND thành phố Đ yêu cầu gia đình ông Q tự tháo dỡ công trình xây dựng tại tổ 5, phường T, thành phố Đ để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai thực hiện dự án khu đô thị mới N là không có căn cứ, không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện không thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện nêu trên. Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện cung cấp cho Tòa án: Bản sao các quyết định hành chính bị khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan.

Tại văn bản số: 359/UBND-QLĐT ngày 16/3/2020 của UBND thành phố Đ đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

Việc UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số: 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 (lần 3) và Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 1054/QĐ-UBND ngày ngày 28/8/2019 là đúng theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật khiếu nại, Luật nhà ở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với việc ban hành Thông báo (Lần 3) số: 335/TB-UBND ngày 12/3/2019: Trên cơ sở Biên bản kiểm tra số: 16/BBKT-ĐLN ngày 29/12/2016 của Đoàn kiểm tra liên ngành theo Quyết định số: 1599/QĐ-SXD ngày 06/6/2016 của Giám đốc Sở xây dựng tỉnh Đ, kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn phường T. Nội dung biên bản đã lập hồ gia đình vi phạm là ông Vũ Công Q, xây dựng công trình nhà ở không có giấy phép xây dựng, diện tích xây dựng vi phạm gồm nhà quán dài 11m x rộng 14,9m = 163,9m², bán mái sau rộng 1,9m x dài 14,9m = 28,31m², yêu cầu gia đình tự tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm, ông Vũ Công Q đã ký biên bản.

Vậy ông Vũ Công Q đã có hành vi vi phạm hành chính là: tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị mới N. Căn cứ quy định tại Điều 21 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Điều 15, Điều 7 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP thì UBND thành phố có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp ông Vũ Công Q. Do Đoàn kiểm tra liên ngành đã tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra từ năm 2016 đến nay vì đã quá thời hiệu xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 5 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP và thời hiệu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo các Điều 65, 66 Luật xử lý vi phạm hành chính nên không tổ chức xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, căn cứ tại khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm d khoản 3 Điều 3; điểm d khoản 11 Điều 15; Điều 17 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Thông tư số: 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 quy định chi tiết một số điều của Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở, thì UBND thành phố Đ có thẩm quyền yêu cầu ông Vũ Công Q áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là “Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép”.

Việc xây dựng công trình vi phạm của ông Q đã được đoàn kiểm tra liên ngành lập biên bản và yêu cầu ông Q tháo dỡ các công trình xây dựng không có giấy phép, đến nay ông Q vẫn chưa thực hiện. Do đó, việc yêu cầu ông Q phải khắc phục hậu quả từ các hành vi vi phạm là cần thiết, nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố. Ngày 24/01/2019, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ra Thông báo (Lần 1) số: 109/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước đối với hộ gia đình ông Vũ Công Q, nhưng sau 15 ngày ông Q đã không tiến hành tháo dỡ công trình vi phạm. Ngày 19/02/2019, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (Lần 2) số: 192/TB-UBND, sau 10 ngày ông Q vẫn không tiến hành tháo dỡ công trình vi phạm.

Vậy UBND thành phố Đ tiếp tục ban hành thông báo (lần 3) số 335/TB-UBND ngày 12/3/2020 là đúng về căn cứ pháp luật, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thể thức văn bản và quy trình xử lý về trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật.

Theo khoản 1 Điều 93 Luật nhà ở quy định: “*Chủ sở hữu nhà ở hoặc người đang quản lý, sử dụng nhà ở có trách nhiệm phá dỡ nhà ở*”; điểm b khoản 3 Điều 118 Luật Xây dựng quy định: “*Tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đang sử dụng công trình thuộc diện phải phá dỡ phải chấp hành quyết định phá dỡ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp không chấp hành thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ*”. Công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng, không đúng với giấy phép xây dựng đã được chuyển nhượng qua nhiều người và hiện không xác định hoặc không liên lạc được với đối tượng thực hiện vi phạm hành chính nhưng có người hiện đang quản lý, sử dụng công trình vi phạm đó thì người này phải có trách nhiệm trong việc tháo dỡ công trình hoặc phân công trình vi phạm. Như vậy trường hợp ông Vũ Công Q thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính đến nay ông Q đang sử hữu công trình vi phạm vì vậy UBND thành phố Đ ban hành thông báo là đúng quy định.

Đối với việc ban hành Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019: Căn cứ khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Điều 4 Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018. Trên cơ sở Biên bản kiểm tra liên ngành và báo cáo số: 18/BC-QLĐT ngày 28/6/2019 báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 23/8/2019, căn cứ Điều 30 Luật khiếu nại, đồng chí Phạm Văn S - Phó Chủ tịch UBND thành phố là người được ủy quyền đã tổ chức đối thoại với ông Vũ Công Q. Ngày 28/8/2019, căn cứ Điều 31 Luật khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số: 1054/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Công Q (lần đầu), ông Q đã nhận Quyết định.

Như vậy, việc ông Vũ Công Q yêu cầu TAND tỉnh Điện Biên hủy bỏ Thông báo (Lần 3) số: 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phân công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước và Quyết định số: 1054/QĐ-UBND ngày ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là không có cơ sở. Đề nghị TAND tỉnh Điện Biên bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công Q.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/03/2020 ông Vũ Tiến H trình bày:

Ngày 01/01/2000, ông H nhận khoán 0,2400ha đất của Công ty C để trồng cà phê tại đội 4 công ty. Nguồn gốc đất nhận khoán là do ông Phạm Ngọc L nhận khoán từ 01/7/1995 sau đó ông L chuyển nhượng sang cho ông H. Việc chuyển nhượng đất trồng cà phê giữa ông H và ông L được Công ty C cho phép trên cơ sở đó ông H đã lập hợp đồng nhận khoán với Công ty C. Trong hợp đồng có nội dung nhận khoán để trồng cây cà phê, thời hạn giao khoán là 50 năm kể từ ngày 01/7/1995 (tính từ thời điểm giao khoán đất cho ông L), trong đó: có hơn 0,2100ha đất là trồng cây cà phê và 300m² là trồng ngô, không có nhà.

Sau khi ông H nhận đất đã xin phép Công ty C xây một ngôi nhà nhỏ và làm chuồng trại để nuôi gà trên diện tích đất trồng ngô (300m²), chăm sóc và thu hoạch cây cà phê từ năm 2000 đến năm 2012. Hàng năm ông H nộp sản cho công ty bằng tiền theo giá trị sản lượng trên diện tích đất nhận khoán. Đến khoảng năm 2016

không phải nộp sản lượng nữa.

Năm 2012, ông H có chuyển nhượng cho ông Lý Đức T diện tích 180m² đất trồng cây cà phê với giá 144.000.000 đồng. Hai bên tự lập giấy chuyển nhượng, ông H đã bàn giao đất và mốc giới cho ông T, khi bán trên đất không có nhà ở và công trình xây dựng. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông T đã xây dựng nhà quán để kinh doanh, một thời gian sau bán lại cho ông Vũ Công Q, việc ông T và ông Q chuyển nhượng nhà đất cho nhau ông H không biết.

Tại Công văn số 16/CV-CPCBNS ngày 16/3/2020 Công ty cổ phần C có ý kiến như sau:

Ông Vũ Tiến H không phải là công nhân của Công ty C, ngày 01/01/2000 ông H được Công ty C cho phép nhận khoán đất để trồng cà phê (tại Hợp đồng khoán đất trồng cây lâu năm số 78/HĐK-CTCCN giữa: Bên giao khoán là Công ty C, với bên nhận khoán là ông Vũ Tiến H). Từ năm 2013 về trước, ông Vũ Tiến H có trồng, chăm sóc cây cà phê theo như hợp đồng giao khoán. Tuy nhiên, hộ gia đình ông H đã bắt đầu có vi phạm - tự ý xây dựng nhà vĩnh cửu trên đất nhận khoán từ năm 2001. Đặc biệt, từ năm 2013 ông H đã tự ý chặt cây cà phê để làm nhà và các công trình khác trên đất.

Việc ông H tự ý chuyển nhượng một phần đất nhận khoán và vườn cây cà phê cho ông Lý Đức T, Công ty có biết nhưng không có bằng chứng xác thực, bởi các bên không khai báo với Công ty để tiến hành các thủ tục chuyển vườn cây, xác lập Hợp đồng khoán theo quy định. Tại điểm đ, khoản 2 Điều 3 Hợp đồng giao khoán đất trồng cây lâu năm số: 78/HĐK-CTCCN ngày 01/01/2000 được ký kết giữa Công ty C và ông Vũ Tiến H có ghi: “Không được tự ý chuyển nhượng vườn cây khi chưa được sự đồng ý của Giám đốc Công ty”. Do đó, ông Vũ Tiến H không có quyền chuyển nhượng vườn cây (bao gồm cả đất thuộc Công ty đang quản lý) cho người khác khi chưa được sự đồng ý từ phía Công ty C.

Về việc ông Lý Đức T chặt phá cây cà phê, làm nhà vi phạm trên đất thuộc Công ty quản lý, Công ty đã thực hiện việc kiểm tra, xác minh mức độ vi phạm, quy trách nhiệm xử lý vi phạm đối với ông Vũ Tiến H - là người giao kết Hợp đồng khoán với Công ty, còn đối với ông T, Công ty không có cơ sở để xử lý vi phạm vì ông T không ký kết Hợp đồng khoán với Công ty. Liên quan đến tình trạng vi phạm của các hộ nhận khoán, Công ty đã có báo cáo gửi đến UBND tỉnh và Sở, Ngành có thẩm quyền đề nghị giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2020, quá trình giải quyết vụ án ông Lý Đức T trình bày:

Ông Lý Đức T không phải là công nhân của Công ty C (nay là Công ty cổ phần C). Ngày 24/12/2012, ông T đã mua của ông Vũ Tiến H diện tích 180m² đất (chiều tám mặt đường nhựa là 15m, chiều sâu 12m) với giá 800.000 đồng/m², tổng số tiền là 144.000.000 đồng, ông T đã thanh toán hết cho ông H và ông H đã bàn giao đất cho ông T. Khi mua đất của ông H, ông T biết đây là đất ông H nhận khoán của Công ty C để trồng cà phê do đó, việc mua bán sẽ không được cơ quan có thẩm quyền chứng thực và sẽ không được cấp giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên giữa ông T và ông H chỉ làm giấy tờ chuyển nhượng với nhau. Mục

đích ông T mua đất của ông H là để mở quán bán nước giải khát sau này thì chuyển sang bán bia.

Khi ông T mua đất của ông H thì trên đất có nhiều cây cà phê và có nhiều cây ăn quả đều đã được thu hoạch. Khi ông T chặt phá cây cà phê để giải phóng mặt bằng thì không thấy cơ quan, tổ chức nào đến nhắc nhở hay lập biên bản gì. Sau đó, khoảng cuối tháng 12/2012, ông T dựng nhà khung sắt, lợp tôn, 2 gian (01 gian rộng 10m để kinh doanh, 01 gian rộng 05m để ở) không có giấy phép xây dựng nên UBND phường, Công an phường T, UBND thành phố Đ và Công an thành phố cùng Đội trật tự đô thị đã đến lập biên bản vi phạm về việc xây dựng công trình trái pháp luật. Tuy nhiên, ông T chưa bị cơ quan nào xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý về hành vi sử dụng đất, xây dựng công trình trên đất; quá trình sử dụng đất không có tranh chấp.

Ngày 19/5/2016, ông T chuyển nhượng cho ông Vũ Công Q toàn bộ diện tích đất mua của ông H (180m²), cùng toàn bộ công trình ông T đã xây dựng trên đất (02 gian nhà khung sắt, lợp tôn) và các tài sản phục vụ cho việc kinh doanh với tổng giá trị chuyển nhượng là 940.000.000 đồng. Trước khi mua đất, ông Q đã được xem toàn bộ các giấy tờ liên quan đến mảnh đất. Ông T đã bàn giao toàn bộ diện tích đất cho ông Q, hai bên chỉ viết giấy chuyển nhượng, không thực hiện thủ tục chuyển nhượng đất theo quy định của pháp luật, bởi ông T biết việc chuyển nhượng này là không được phép nên sẽ không được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận.

Đối với việc UBND thành phố Đ cho rằng công trình xây dựng mà ông T bán cho ông Q là xây dựng trên đất nông nghiệp, không có giấy phép xây dựng, vi phạm quy hoạch xây dựng khu đô thị N và buộc ông Q phải tự tháo dỡ công trình xây dựng, thì ông T xác định công trình trên đã bán cho ông Q nên ông Q có quyền sở hữu, sử dụng các tài sản đó, ông T không còn quyền định đoạt đối với tài sản đã bán. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 13/03/2020, đại diện UBND phường T trình bày:

Hộ gia đình ông Vũ Công Q trú tại tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ có công trình xây dựng trên đất nhận khoán của Công ty C (nay là Công ty cổ phần C) thuộc đất quy hoạch Dự án: Xây dựng khu đô thị mới N.

UBND thành phố đã có Thông báo (lần 3) về việc tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước ngày 12/3/2019 đối với hộ gia đình ông Vũ Công Q.

Từ khi được giao quản lý đất trồng cây cà phê ở tổ dân phố 5, phường T cho đến nay, ngày 29/12/2016, UBND phường T đã phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành của Sở xây dựng tỉnh Đ kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn phường T, trong đó có kiểm tra đối với hộ gia đình ông Vũ Công Q, tại phiên làm việc kiểm tra ông Q có mặt và có ký tên vào biên bản. Ngày 13/01/2017, UBND phường T tiếp tục phối hợp với Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1599/QĐ-SXD ngày 13/12/2016 của Giám đốc Sở xây dựng tỉnh Đ, kiểm tra hồ sơ của hộ gia đình ông Vũ Công Q, ông Q có mặt và ký tên vào biên bản, tại phiên làm việc ông Q đã cung cấp cho đoàn kiểm tra một số giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất. Ngoài ra, UBND phường T không có các buổi làm việc nào khác với

ông Q liên quan đến hoạt động xây dựng.

Tại Bản luận cứ đề ngày 03/9/2020, luật sư Đặng Văn C là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày ý kiến, quan điểm:

Yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công Q là có căn cứ và đúng pháp luật, bởi lẽ việc UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 335 và Quyết định 1054 là không có căn cứ, không đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho hộ ông Q, cụ thể như sau:

Về nguồn gốc thửa đất trước đây là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, tuy nhiên các thửa đất này sau đã được thay đổi quy hoạch thành đất ở đô thị nên việc sử dụng đất của người khởi kiện vào mục đích hiện trạng hiện nay là phù hợp với quy hoạch... Trong trường hợp thu hồi đất để chỉnh trang đô thị thì cũng cần phải tái định cư tại chỗ các hộ dân để đảm bảo ổn định đời sống.

Việc Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ ban hành Thông báo việc thực hiện tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước đối với hộ ông Vũ Công Q là không đúng trình tự, thủ tục theo luật định vì: Theo quy định tại Điều 28, Điều 30, Điều 58, Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì việc yêu cầu tháo dỡ công trình chỉ được thực hiện khi xác định có hành vi vi phạm hành chính và có căn cứ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, trong trường hợp này, hoàn toàn chưa có Biên bản vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng của ông Vũ Công Q. Việc ban hành Thông báo tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm không tuân thủ các quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền và lợi ích pháp của công dân bởi vậy việc khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 335 là có căn cứ. Do Thông báo số 335 được ban hành không hợp pháp nên Quyết định số 1054 cũng sẽ không hợp pháp về nội dung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công Q.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, tư cách tham gia tố tụng, thủ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; việc xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đầy đủ, khách quan; việc tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo hợp lệ, đúng thời hạn; Hội đồng xét xử đúng thành phần, điều khiển phiên tòa công khai, dân chủ, thực hiện tranh tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Thư ký thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn theo quy định. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung giải quyết vụ án: UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (lần 3) số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 đối với ông Vũ Công Q là không hợp pháp về hình thức, về trình tự thủ tục, sai về chủ thể (người vi phạm). Do đó, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 1054/QĐ-UBND, ngày 24/9/2019, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Vũ Công Q cũng không hợp pháp, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công Q, hủy Thông báo số 335 và Quyết định số 1054.

Tòa án đã tiến hành tổ chức 02 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên cả hai phiên đối thoại đều không thực hiện được do vắng mặt người khởi kiện (lần 1) và người bị kiện (lần 2) nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành đối thoại được theo quy định tại Điều 135 Luật tổ tụng Hành chính. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 12/3/2019, UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên ban hành Thông báo số 335/TB-UBND có nội dung: “yêu cầu ông Vũ Công Q phải thực hiện việc tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm (không có giấy phép xây dựng) đã xây dựng tại khu đất thuộc tổ 5, phường T để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai thực hiện dự án khu đô thị mới N. Thời gian thực hiện tháo dỡ: tối đa 05 ngày kể từ ngày gửi thông báo...Hết thời hạn này mà không thực hiện thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

Ông Q không nhất trí nên có đơn khiếu nại Thông báo số 335. Ngày 28/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1054/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố Đ.

Xét thấy: Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên là Quyết định hành chính và Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng nên 2 văn bản này là đối tượng khởi kiện hành chính theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính và ông Vũ Công Q khởi kiện yêu cầu hủy 2 văn bản này là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng Hành chính.

Ông Vũ Công Q cho rằng Thông báo số 335/TB-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1054/QĐ-UBND là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Luật tổ tụng hành chính.

Ngày 17/02/2020 ông Vũ Công Q khởi kiện vụ án hành chính tại TAND tỉnh Điện Biên. Việc khởi kiện của ông Q nằm trong thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Vì vậy, TAND tỉnh Điện Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng Hành chính.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của quyết định hành chính bị kiện:

[2.1.1] Tính hợp pháp về Hình thức:

Ngày 24/01/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (lần 1) số 109/TB-UBND có nội dung: Thông báo cho hộ gia đình ông Vũ Công Q: tự tháo dỡ công trình nhà ở, công trình phụ đã xây tại khu đất thuộc tổ 5, phường T, Thông báo này ông Vũ Công Q không nhận được. Ngày 19/02/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (lần 2) số 192/TB-UBND yêu cầu hộ gia đình ông Vũ Công Q phải thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm (không có giấy phép xây dựng); ông Q không nhận được Thông báo này. Ngày 12/3/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (lần 3) số 335/TB-UBND.

Cả 3 Thông báo trên đều được UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên căn cứ vào Biên bản kiểm tra số 16/BBKT- ĐLN của Đoàn kiểm tra liên ngành lập ngày 29/12/2016 đối với ông Vũ Công Q.

Xét thấy: Căn cứ để ban hành Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 không đảm bảo bởi: Thông báo số 335/TB-UBND được ban hành tiếp theo Thông báo (lần 1) số 109/TB-UBND ngày 24/01/2019 và Thông báo (lần 2) số 192/TB-UBND ngày 19/02/2019; trong cả 3 Thông báo không thể hiện ông Q đã có hành vi vi phạm gì, được quy định ở văn bản pháp luật nào; không căn cứ vào quy định nào của pháp luật; Thông báo không được soạn thảo theo biểu mẫu. Vì vậy, hình thức của Thông báo số 335/TB-UBND là không có căn cứ pháp lý và không hợp pháp.

Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Công Q (lần đầu) đảm bảo quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011 và điểm a khoản 1 Điều 22 Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; đúng mẫu số 15-KN ban hành kèm theo Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ nên hợp pháp về hình thức.

[2.1.2] Tính hợp pháp về nội dung:

Nguồn gốc nhà và diện tích 180 m² đất mà ông Vũ Công Q đang quản lý, sử dụng tại tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ là do nhận chuyển nhượng của ông Lý Đức T. Khi nhận chuyển nhượng nhà đất, ông Q đã được ông T bàn giao Hợp đồng số 78/HĐK-CTCCN ngày 01/01/2000 của Công ty C với ông Vũ Tiến H và Giấy chuyển nhượng đất giữa ông H và ông T.

Ngày 29/12/2016 Đoàn kiểm tra liên ngành đã lập Biên bản kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn phường T, thành phố Đ số 16/BBKT-ĐLN đối với ông Vũ Công Q.

Ngày 13/01/2017, Đoàn kiểm tra liên ngành lập Biên bản kiểm tra hồ sơ của các hộ gia đình số 21/BBKT- ĐLN, đối với hộ gia đình ông Vũ Công Q, tổ 5, phường T, thành phố Đ.

Ngày 24/01/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (lần 1) số 109/TB-UBND. Ngày 19/02/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (lần 2) số 192/TB-UBND. Ngày 12/3/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (lần 3) số 335/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước. Căn cứ để UBND thành phố Đ ban hành 03 thông báo nêu trên là Thông báo thu hồi đất số 32/TB-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh Điện Biên và Biên bản kiểm tra số 16 ngày 29/12/2016 của Đoàn kiểm tra liên ngành.

Xét thấy, Theo các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ thì ông Vũ Công Q không phải là người tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm trên đất. Việc UBND thành phố xác định hộ gia đình ông Q xây dựng công trình nhà ở không có Giấy phép xây dựng nên có Hành vi vi phạm hành chính là: Tổ chức thi công xây dựng công trình (*nhà ở riêng lẻ tại đô thị*) không có Giấy phép xây dựng là không chính xác. UBND thành phố căn cứ vào Biên bản kiểm tra số 16/BBKT-ĐLN ngày 29/12/2016 để ban hành Thông báo số 335 yêu cầu ông Q thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất là sai về chủ thể (ông Q không phải là người có hành vi vi phạm); ngoài ra ông Q chưa bị lập Biên bản vi phạm hành chính, không có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không có Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà UBND thành phố Đ ban hành Thông báo tự thực hiện việc tháo dỡ là không hợp pháp về nội dung.

Do Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố Đ không hợp pháp về nội dung nên Quyết định số: 1054/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Vũ Công Q có nội dung giữ nguyên Thông báo số 335 cũng không hợp pháp về nội dung.

[2.2] Tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính.

[2.2.1] Về thẩm quyền:

UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Quyết định số 1054 của Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Ngày 29/12/2016, Đoàn kiểm tra liên ngành do Giám đốc Sở xây dựng Đ lập Biên bản kiểm tra số 16/BBKT-ĐLN đối với chủ hộ là ông Vũ Công Q đã xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng gồm: nhà quán dài 11m x rộng 14,9m = 163,9m², bán mái sau rộng 1,9m x dài 14,9m = 28,31m²; đề nghị gia đình

tự tháo dỡ đối với các công trình vi phạm. Ông Q đã tự ghi ý kiến vào biên bản: *“Gia đình chúng tôi không có công ăn việc làm nên mong nhà nước tạo điều kiện cho tôi để làm ăn vì tôi mua để kinh doanh đã có nhà tôn dựng sẵn, vậy mong các cấp ngành tạo điều kiện cho chúng tôi yên ổn làm ăn và nuôi con cái, ổn định cuộc sống gia đình”*.

Ngày 13/01/2017, Đoàn kiểm tra liên ngành tiếp tục lập Biên bản số 21/BBKT-ĐLN về kiểm tra hồ sơ đối với hộ ông Vũ Công Q, xác định tại thời điểm kiểm tra, hộ ông Q không có giấy phép xây dựng; ông Q đã ký xác nhận vào biên bản.

Ngày 24/01/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (lần 1) số 109/TB-UBND; ngày 19/02/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (lần 2) số 192/TB-UBND nhưng ông Q không được nhận các Thông báo này. Ngày 12/3/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo (lần 3) số 335/TB-UBND. Ông Q không đồng ý nên gửi đơn khiếu nại. Ngày 28/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1054/QĐ-UBND của ông Vũ Công Q, có nội dung giữ nguyên Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố Đ.

Theo quy định tại Điều 6, Điều 28, Điều 30, Điều 58, Điều 65, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính thì khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải lập Biên bản vi phạm, trên cơ sở đó ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu hết thời hiệu xử phạt thì ra Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; nếu người vi phạm không tự nguyện thì hành thì thực hiện biện pháp cưỡng chế. UBND thành phố Điện Biên Phủ căn cứ vào Biên bản số 16/BBKT-ĐLN ngày 29/12/2019 và tiếp theo Thông báo (lần 1) số 109/TB-UBND, Thông báo (lần 2) số 192/TB-UBND để ban hành Thông báo (lần 3) số 335/TB-UBND đối với ông Q là không hợp pháp về trình tự, thủ tục.

Đối với Quyết định 1054/QĐ-UBND: Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định 1054/QĐ-UBND, ngày 24/9/2019, về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Công Q đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 27, 30, điểm a khoản 1 Điều 31 Luật khiếu nại; các Điều 5, 7, 21 Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính nên hợp pháp.

[2.3] Tính hợp pháp về thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định hành chính.

Biên bản kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị tại địa bàn phường T số 16/BBKT-ĐLN được Tổ công tác lập ngày 29/12/2016; ngày 13/01/2017 Tổ công tác lập Biên bản kiểm tra hồ sơ của các hộ gia đình số 21/BBKT-ĐLN; ngày 24/01/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 109/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước; ngày 19/02/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 192/TB-UBND; ngày 12/3/2019 UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 335/TB-UBND.

Như vậy, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 335 đã vi phạm quy định về thời hạn, thời hiệu quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 66

Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 5 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

Ngày 27/3/2019 UBND thành phố Đ thụ lý đơn khiếu nại của ông Vũ Công Q; đến ngày 28/8/2019 Chủ tịch UBND thành phố Đ mới ra Quyết định số 1054/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Q là quá thời hạn quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.4] Mọi liên hệ giữa quyết định hành chính với quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người có liên quan:

Thông báo số 335 không hợp pháp đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Công Q, do đó Quyết định giải quyết khiếu nại số 1054 (có nội dung giữ nguyên Thông báo số 335) cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông Q.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 không hợp pháp về hình thức; nội dung và vi phạm về trình tự, thủ tục ban hành làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của người khởi kiện. Do đó, có đủ cơ sở để hủy Thông báo số 335. Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 giữ nguyên Thông báo số 335 như vậy cũng không hợp pháp về nội dung. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công Q có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bản luận cứ của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Công Q và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên VSKND tỉnh Điện Biên tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công Q được chấp nhận nên ông Q không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Buộc UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND thành phố Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 28; điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 54, Điều 58, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65; khoản 2 Điều 66, Điều 70 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công Q.

Hủy Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc tự thực hiện tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước.

Hủy Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Công Q tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ (lần đầu).

2. Về án phí:

Ủy ban nhân dân thành phố Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Chủ tịch UBND thành phố Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả ông Vũ Công Q số tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0000005 ngày 03/3/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Vũ Công Q có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/9/2020). Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Công ty cổ phần C, ông Vũ Tiến H, ông Lý Đức T có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND Cấp cao tại HN;
- Người BV quyền và lợi ích hợp pháp;
- UBND tỉnh Điện Biên (khi có HLPL);
- Cục THADS tỉnh ĐB (khi có HLPL);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Thị Hoà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 45 phút, ngày 08 tháng 9 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Sinh
Ông Vũ Phong Ba

Tiến hành nghị án vụ án hành chính thụ lý số: 19/2020/TLST-HC ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng”, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Công Q, sinh năm: 1971; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người khởi kiện: Ông Đặng Văn C, Luật sư Văn phòng luật sư Chính Pháp thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 65B phố Tôn Đức Thắng, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Người bị kiện:

- UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 9, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Duyên - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Văn S - chức vụ: Phó Chủ tịch.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Tiến H; địa chỉ: Số nhà 11, tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lý Đức T; địa chỉ: Đội 6, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Công ty cổ phần C; địa chỉ trụ sở: số nhà 819, tổ dân phố 3, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thọ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Căn cứ pháp luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 28; điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 54, Điều 58, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65; khoản 2 Điều 66, Điều 70 Luật xử lý vi phạm Hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Biểu quyết: Nhất trí 3/3 = 100%

2. Những vấn đề xem xét, đánh giá:

a) Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc tự thực hiện tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước và Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Công Q tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ (lần đầu) **không hợp pháp về hình thức và nội dung.**

b) Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ và Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ **hợp pháp về thẩm quyền**.

Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ **không hợp pháp về trình tự, thủ tục** ban hành quyết định.

Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ **hợp pháp về trình tự, thủ tục**.

c) Thời hiệu, thời hạn ban hành Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ và Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là **không hợp pháp**.

d) Quyết định hành chính bị khiếu kiện không hợp pháp nên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

đ) Tính hợp pháp và có căn cứ của văn bản hành chính có liên quan (nếu có): Không có.

e) Vấn đề bồi thường thiệt hại và vấn đề khác (nếu có): Không có.

Biểu quyết: Nhất trí 3/3 = 100%

3. Nội dung giải quyết:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công Q.

Hủy Thông báo số 335/TB-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc tự thực hiện tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước.

Hủy Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Công Q tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ (lần đầu).

Biểu quyết: Nhất trí 3/3 = 100%

4. Về án phí:

Ủy ban nhân dân thành phố Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả ông Vũ Công Q số tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0000005 ngày 03/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Biểu quyết: Nhất trí 3/3 = 100%

5. Về quyền kháng cáo: Ông Vũ Công Q có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/9/2020). Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Công ty cổ phần C, ông

Vũ Tiến H, ông Lý Đức T có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Biểu quyết: Nhất trí 3/3 = 100%

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 05 phút, ngày 08 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)